

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**  
Bản án số: 31/2022/HC-ST  
Ngày: 30 - 9 - 2022  
V/v khiếu kiện quyết định  
giải quyết khiếu nại trong  
lĩnh vực quản lý đất đai

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Năm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Xuân Nam
2. Ông Nguyễn Chí Tuyền.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Tống Thanh Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:**  
Ông Hồ Hồng Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 52/2020/TLST-HC ngày 12/10/2020 về việc: “*Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-HC ngày 08/4/2021, giữa các đương sự:

**\*Người khởi kiện:** Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1955. Có mặt.

Địa chỉ: Khu dân cư số 8, thôn TAV, huyện LS, tỉnh Quảng Ngãi;

Nơi ở hiện nay: Thôn N, xã NP, huyện NH, tỉnh Khánh Hòa.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị D:* Ông Nguyễn Văn Tịnh T, sinh năm: 1994; (theo Văn bản ủy quyền ngày 22/12/2021). Có mặt.

Địa chỉ liên hệ: Số 276 C, phường AK, quận TK, thành phố Đà Nẵng.

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị D:* Ông Nguyễn Hữu L – Văn phòng Luật sư MC – Đoàn Luật sư Thành phố Đà Nẵng; địa chỉ liên hệ: Số 276 C, phường AK, quận TK, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

**\*Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LS;

*Người đại diện theo pháp luật:* Bà Phạm Thị H - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LS.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Đặng Tấn T1 - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LS (Văn bản ủy quyền số 230/QĐ-UBND ngày 15/3/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LS). Vắng mặt có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:* Ông Mai Văn T2 - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện LS; Vắng mặt có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Cùng có địa chỉ: Thôn ĐAV, huyện LS, tỉnh Quảng Ngãi;

***\*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Đặng Văn A, sinh năm: 1958.

2. Ông Đặng A1.

Cùng địa chỉ: Khu dân cư số 8, thôn TAV, huyện LS, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Ông Phù Văn H.

4. Ông Nguyễn Hùng H1.

5. Bà Võ Thị H2.

Cùng địa chỉ: Khu dân cư đội 11, thôn ĐAV, huyện LS, tỉnh Quảng Ngãi;

(Ông Đặng Văn A, ông Đặng A1, ông Nguyễn Hùng H1, bà Võ Thị H2 đều vắng mặt có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt; ông Phù Văn H vắng mặt lần thứ ba không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 14/7/2020, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 04/8/2020, 14/8/2020 của bà Nguyễn Thị D; trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn Tịnh T là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị D trình bày:*

Về diện tích đất khoảng 1.200m<sup>2</sup> trồng hành, tỏi tại núi Hòn Tai là do ông, bà nội bà D khai phá từ lâu đời để lại cho cha mẹ bà D là ông Nguyễn M (chết năm 1985) và bà Lê Thị T (chết năm 2003) sản xuất, canh tác từ năm 1968 đến sau ngày giải phóng. Năm 1977, bà D lập gia đình cha mẹ giao lại toàn bộ cho bà D sản xuất, đến năm 1979 địa phương lấy đất của bà D chia cho ông Phan C sản xuất. Năm 1981 ông Phan C bỏ hoang hóa, vợ chồng bà D khai hoang, sản xuất trên diện tích đất này đến năm 1993 thì cho ông Bùi Thanh H4 canh tác khoảng 100m<sup>2</sup>, ông H4 sản xuất đến năm 1995 thì trả lại. Vợ chồng bà D tiếp tục sản xuất đến năm 2004. Năm 2005, bà D cho bà Dương Thị A3 là con dâu của ông Nguyễn X thuê toàn bộ diện tích đất khoảng 1.200m<sup>2</sup> để trồng hành, tỏi. Tuy nhiên, bà A3 chưa kịp làm hết diện tích đất thuê, thì năm 2006 ông Đặng A1 đã tự ý sử dụng 01 triền (lô) đất diện tích 172,6m<sup>2</sup> (trong số đất mà ông H4 trả lại và bà D cho bà Dương Thị A3 thuê chưa trồng trồng) để trồng hành, tỏi mà không hỏi ý kiến bà D. Bà Dương Thị A3 nói với ông Đặng A1:

“Tôi thuê đất của cô D và dương A sao ông dành làm”, Ông A1 trả lời: “Đất Hai An tao làm, nó về tao trả”. Khi vợ chồng bà D về gặp ông A1 để lấy lại thửa đất mà ông đã sử dụng, thì ông A1 cũng nói: “Bây về tao trả”, nhưng cho đến nay ông A1 vẫn chưa trả lại thửa đất cho vợ chồng bà D. Đến tháng 05/2008, bà Dương Thị A3 không làm nữa và giao lại toàn bộ diện tích đất này cho gia đình bà D. Năm 2008, vợ chồng ông Nguyễn Hùng H1 và bà Võ Thị H2 (gọi bà D là cô ruột) thuê diện tích đất do bà A3 trả lại để canh tác. Vợ chồng ông H1 và bà H2 viết giấy xác nhận thuê đất từ năm 2008 đến năm 2018 và gia hạn từ năm 2019 đến năm 2021. Trong 10 năm đầu từ năm 2008 đến năm 2018 thì mỗi năm tiền thuê là 500.000 đồng (Năm trăm ngàn) những năm sau mỗi năm tiền thuê là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Diện tích đất khoảng 1.200m<sup>2</sup> là đất trồng hành, tỏi, gồm 08 thửa (bậc triền kề nhau). Năm 2017, UBND huyện LS chỉ mới cấp được 01 thửa với diện tích 139,9 m<sup>2</sup> (thửa 819, tờ bản đồ số 9, tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BO 507350). Hiện nay còn lại 07 thửa như sau: 01 (lô) thửa đất số 831, ký hiệu BHK, diện tích là 172,6m<sup>2</sup> ông Đặng A1 chiếm của bà D (từ năm 2006); 01 lô diện tích khoảng 888,0m<sup>2</sup> trên bản đồ hiện trạng chưa đo đạc giải thửa (gồm 06 thửa đất có ranh giới bờ thửa riêng và liền kề), ranh giới như sau: Đông giáp: Đất ông Nghị đang sản xuất (trong thửa 710 tờ bản đồ số 9, diện tích 30.3030m<sup>2</sup>). Tây giáp: Đất đo gộp trong thửa 710 tờ bản đồ số 9, diện tích là 30.303.0m<sup>2</sup>. Nam giáp: Thửa 819, ký hiệu BHK, diện tích 139,9m<sup>2</sup> đã cấp sổ cho bà D, hiện tại ông Hữu đang sản xuất; thửa 831/172,6m<sup>2</sup> ký hiệu BHK (ông A chiếm của bà D) và thửa đất 832 do ông Đặng Nghị đang sản xuất. Bắc giáp: Đất của bà D khai hoang trồng khoai tía khoảng 1.300m<sup>2</sup> nay ông Phù Văn H chăn nuôi và trồng chuối (đo gộp trong thửa đất 710 tờ bản đồ số 9, diện tích 30.303.0m<sup>2</sup>).

Đối với diện tích đất khoảng 1.300m<sup>2</sup> đất trồng khoai tía tại núi Hòn Tai: Một thửa do ông Nguyễn Cửu và một thửa do ông Nguyễn Câu (hai người là bác ruột của bà D) để lại cho bà D. Hai thửa là của cha, mẹ (ông Nguyễn My + bà Tuất) để lại cho bà D. Một thửa của ông Sư Nhẫn để lại cho bà D. Bà D sản xuất từ năm 1977 đến năm 2004 và năm 2005 bà D cũng cho bà Dương Thị A3 thuê nhưng bà Anh không có khả năng sản xuất. Tiếp theo đến năm 2008, giao cho vợ chồng ông Nguyễn Hùng H1 và bà Võ Thị H2 sản xuất nhưng ông Hữu và bà Hiền cũng không có khả năng sản xuất. Đến năm 2014 bà D xin cấp sổ đỏ nhưng Ủy ban nhân dân xã nói là đất rừng và đất quốc phòng nên không được cấp sổ. Năm 2015, ông Phù Văn H nghe ông Trần Văn Thuyên (là cán bộ địa chính xã) nói đất này là đất rừng và đất quốc phòng không được cấp sổ đỏ nên ông Hạnh lên sản xuất, chăn nuôi trên đất. Bà D đã yêu cầu ông Hạnh tháo dỡ và ngừng sản xuất, trả lại đất cho bà D nhưng ông Hạnh không đồng ý. Trong trường hợp diện tích đất của bà D mà hiện nay ông Phù Văn H đang sản xuất thuộc đất rừng và đất quốc phòng không được cấp sổ đỏ thì bà D yêu cầu ông Hạnh phải trả đất lại cho bà D sản xuất.

Tại huyện LS trước ngày giải phóng (chế độ cũ) chưa kê khai cấp trích lục hoặc Chứng thư Kiến Điền cho ông bà, cha mẹ bà D là những người tự khai

hoang vớ hóa đất trồng trọt, sản xuất mưu sinh. Việc sử dụng đất thông thường là chuyển giao từ đời này sang cho đời khác (cha mẹ, ông bà giao lại cho con, cháu). Vì vậy, những người có liên quan hoặc sản xuất liên kế với nhau mới biết rõ. Thực tế việc sử dụng đất ở mỗi vùng miền và tại các thời kỳ xã hội có khác nhau. Từ năm 1977 bà D sử dụng đất sản xuất tại núi Hòn Tai có nhiều người biết, cụ thể là: Ông Đặng Nghị sản xuất trồng trọt bên cạnh đất của bà D biết rõ bà D là người sử dụng đất. Ông Đặng Sùng là Trưởng ban tuần tra tại xã An Vĩnh biết rõ việc bà D sử dụng đất. Việc bà D sử dụng đất tại đây có những người cùng sản xuất biết, trong đó có ông Võ Văn Bót và những người khác làm chứng xác nhận.

Ngày 23/3/2018, bà D làm đơn yêu cầu UBND xã An Vĩnh, huyện LS, tỉnh Quảng Ngãi xem xét thẩm định và giải quyết buộc ông Đặng A1 trả lại đất mà ông A1 tự ý chiếm của gia đình bà D. Ủy ban nhân dân xã An Vĩnh tổ chức hòa giải tranh chấp đất vào ngày 12/9/2018 với ông Đặng A1, ông Nguyễn Hùng H1, ông Phù Văn H, do ông Trần Bút là Chủ tịch Hội đồng hòa giải chủ trì, đã kết luận: *“Thửa đất 831 tờ bản đồ số 9, diện tích 172,6m<sup>2</sup>, thuộc đất trồng cây hàng năm, hiện nay ông A đang sản xuất, chưa được cấp GCNQSD đất, đất thuộc nhà nước quản lý. Thửa đất 710, tờ bản đồ số 9, hiện nay ông Nguyễn Hùng H1, ông Phù Văn H đang canh tác nông nghiệp, đất thuộc nhà nước quản lý. Các chủ tạm sử dụng, sản xuất, giữ nguyên hiện trạng, không hủy hoại đất”*.

Ngày 13/9/2018, bà Nguyễn Thị D làm đơn Khiếu nại yêu cầu Chủ tịch UBND huyện LS giải quyết việc tranh chấp đất nông nghiệp tại núi Hòn Tai giữa hộ gia đình bà với ông Đặng A1, ông Nguyễn Hùng H1, ông Phù Văn H và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp giấy CNQSD đất cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị D. Ngày 18/10/2018, UBND huyện LS ban hành Công văn số 2294/UBND trả lời đơn của hộ gia đình bà Nguyễn Thị D có nội dung như sau: *“Bà Nguyễn Thị D yêu cầu trả lại toàn bộ diện tích mà ông Đặng A1, ông Nguyễn Hùng H1 và ông Phù Văn H đang canh tác và yêu cầu cấp GCNQSD đất cho bà là không có cơ sở. Vì hiện tại bà không có các loại giấy tờ liên quan nào để chứng minh toàn bộ diện tích mà ông Đặng A1, ông Nguyễn Hùng H1 và ông Phù Văn H canh tác là đất của bà”*.

Ngày 08/4/2019, bà Nguyễn Thị D tiếp tục làm đơn khiếu nại, yêu cầu các ông Đặng A1, ông Nguyễn Hùng H1, ông Phù Văn H trả lại đất cho bà và yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền đo đạc, cấp GCNQSD đất nông nghiệp tại khu vực núi Hòn Tai cho hộ gia đình bà D. Ngày 15/8/2019, UBND huyện LS ban hành Quyết định số 984/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại (lần đầu) của bà D. Quyết định số 984/QĐ-UBND căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 99 và Điều 101 Luật Đất đai năm 2013 đã bác đơn khiếu nại, yêu cầu của hộ gia đình bà D, do không đủ điều kiện để được cấp GCNQSD đất và không có cơ sở pháp lý để được giải quyết, vì cho rằng: *“Hộ bà Nguyễn Thị D không phải là người đang sử dụng đất và không có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của Điều 100 Luật Đất đai năm 2013; Diện tích đất 1200m<sup>2</sup> hộ bà Nguyễn Thị D đề nghị cấp Giấy chứng nhận QSD đất là đất do*

UBND xã An Vĩnh quản lý, căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 99 và Điều 101 Luật Đất đai 2013 thì hộ bà D không đủ điều kiện để được cấp Giấy CNQSD đất”. Theo điểm a khoản 1 Điều 99 Luật đất đai năm 2013 quy định: “Người đang sử dụng đất có đủ điều kiện cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại Điều 100, 101, 102 của Luật này thì được Nhà nước cấp GCNQSD đất”. Tại khoản 2, Điều 101 Luật đất đai năm 2013 quy định: “Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng không có các giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật này nhưng đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 01/7/2004 và không vi phạm pháp luật về đất đai, nay được UBND cấp xã xác nhận là không có tranh chấp phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đối với nơi đã có quy định thì được cấp giấy CNQSD đất”. Trên thực tế bà D là người được cha mẹ chuyển giao đất này ổn định từ năm 1977 và trước ngày 01/7/2004, sau này cho vợ chồng ông Nguyễn Hùng H1 (cháu ruột của bà D thuê đất), có giấy xác nhận viết tay việc thuê đất từ năm 2008 đến năm 2018 và gia hạn từ năm 2019 đến 2021, hằng năm vẫn trả tiền thuê đất cho bà D. Trong quá trình khiếu nại bản thân bà D hạn chế hiểu biết, trình bày chưa rõ và cung cấp chưa đầy đủ những thông tin cần thiết cho UBND huyện LS để giải quyết vụ việc. Vì vậy, Chủ tịch UBND huyện LS đã ra quyết định bác đơn khiếu nại, không công nhận yêu cầu của bà D.

Căn cứ khoản 4, Điều 21 Nghị định 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định: “Trường hợp không có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều này hoặc trên giấy tờ đó không ghi rõ thời điểm xác lập giấy tờ và mục đích sử dụng đất thì phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về thời điểm bắt đầu sử dụng đất và mục đích sử dụng đất trên cơ sở thu thập ý kiến của những người đã từng cư trú cùng thời điểm bắt đầu sử dụng đất của người có yêu cầu xác nhận trong khu dân cư (thôn, làng, ..)”. Theo đó, việc các nhân chứng xác nhận việc sử dụng đất của bà D là có căn cứ thực tế sử dụng đất. Thực tế, toàn bộ diện tích đất khoảng 1.200m<sup>2</sup> và 1.300m<sup>2</sup> này cha mẹ bà D sử dụng từ trước năm 1975 đến năm 1977 bà D tiếp tục sản xuất đến năm 2004. Tuy nhiên, tại Sổ mục kê và Bản đồ 299/TTg chưa đo đạc giải thửa cho bà D mà gộp vào thửa đất 775, tổng diện tích là 79.000m<sup>2</sup> đất, phân loại đất đồi núi (DCS) chưa sử dụng là không đúng thực tế, vì diện tích đất của bà D bao gồm 8 triền (lô) có bờ thửa, phân ranh giới riêng biệt để trồng trọt sản xuất. Theo đó, năm 2010 thời điểm lập bản đồ dự án VLAP đã đo gộp (nhập) vào thửa 710, loại đất NCS, diện tích 30.303m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 9, xã An Vĩnh, huyện LS. Trong quá trình giải quyết khiếu nại gia đình bà D mới biết việc cơ quan chuyên môn chưa đo đạc, giải thửa diện tích đất thực tế mà bà D kế thừa và khai hoang sản xuất ổn định, cụ thể là bà D có diện tích đất sản xuất có bờ thửa riêng biệt nhưng bị đo gộp vào thửa 710, loại đất NCS, diện tích: 30.303m<sup>2</sup>, tại núi Hòn Tai.

Việc Chủ tịch UBND huyện LS ban hành Quyết định số 984/QĐ - UBND ngày 15/8/2019 quyết định: Không công nhận nội dung đề ngày 08/4/2019 của bà Nguyễn Thị D khiếu nại về việc UBND huyện LS không cấp GCNQSD đất

đối với diện tích đất nông nghiệp tại khu vực Hòn Tai là chưa phù hợp với pháp luật đất đai và thực tế sử dụng đất của bà D. Vì vậy, bà Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi hủy toàn bộ Quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của Chủ tịch UBND huyện LS.

*\*Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LS trình bày:*

Ngày 08/4/2019, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện LS nhận đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị D, ở thôn TAV, huyện LS, tỉnh Quảng Ngãi. Nội dung đơn Khiếu nại về việc UBND huyện LS không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho gia đình bà.

Sau khi xem xét đơn Khiếu nại của bà Nguyễn Thị D, UBND huyện LS đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp với UBND xã An Vĩnh tiến hành kiểm tra, rà soát các tài liệu chứng cứ, đồng thời xác minh nguồn gốc các thửa đất mà bà D yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 04/7/2019, UBND huyện LS tổ chức đối thoại trực tiếp với người khiếu nại là bà Nguyễn Thị D. Tại buổi đối thoại, bà D cũng không cung cấp được chứng cứ giấy tờ mới và cơ quan thẩm tra xác minh cũng công khai minh bạch các tài liệu, chứng cứ đã xác minh.

Theo kết quả xác minh, các tài liệu có liên quan và buổi đối thoại trực tiếp đối với bà Nguyễn Thị D. Căn cứ các quy định của Luật đất đai và các văn bản thi hành Luật đất đai có liên quan, nội dung đơn Khiếu nại của bà D không có cơ sở pháp lý để xem xét giải quyết. Do đó, Chủ tịch UBND huyện LS ban hành Quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Nguyễn Thị D và không công nhận nội dung đề ngày 08/4/2019 của bà Nguyễn Thị D là đúng quy định của pháp luật (quá trình ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 984 đối với bà D, do sai sót trong việc soạn thảo nêu đã ghi nhầm đơn đề ngày 08/4/2019 của bà D thành 08/4/2018, nội dung này UBND huyện LS cũng đã đính chính cho Tòa án tỉnh biết). Do đó đề nghị, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng A1, Phù Văn H trình bày:*

Ông Đặng A1 có khai hoang đất tại đồi núi Hòn Tai với diện tích 172,6m<sup>2</sup> thuộc đất lâm nghiệp.

Ông Phù Văn H vào năm 2009, gia đình ông có khai hoang tại đồi núi Hòn Tai thuộc đất lâm nghiệp với diện tích không xác định được.

Trước đây chúng tôi Đặng A1, Phù Văn H đều là gia đình bản nông, gia đình vô sản, sau đất nước hoàn toàn giải phóng cấp cho mỗi khẩu 120m<sup>2</sup>, gia đình chúng tôi lập gia đình ra ở riêng, lúc này không có cấp đất sản xuất, nên kinh tế vô cùng khó khăn. Từ đó các hộ gia đình chúng tôi lên đồi núi nói trên khai hoang để có đất sản xuất phát triển kinh tế, đã có nhiều lần các cơ quan nhà nước huyện, xã đến kiểm tra và công nhận vào danh sách nộp tiền đất hoa màu nhiều năm, 04 năm nhà nước mới miễn giảm, đến hôm nay vẫn sản xuất làm ăn

nuôi sống gia đình, phát triển kinh tế. Bà Nguyễn Thị D cho rằng đất chúng tôi đang sản xuất là đất của gia đình bà là không đúng, chúng tôi không đồng ý trả lại đất cho bà D.

*\*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hùng H1, bà Võ Thị H2 trình bày:*

Nguyên trước đây ông nội tôi là Nguyễn My có một thửa đất sản xuất ở núi Hòn Tai, ngày xưa thường gọi là thuộc bộ Suối Dung. Vào ngày 26/6/1973, ông nội chúng tôi đem thửa đất nói trên chuyển nhượng cho cha ruột chúng tôi là con trưởng trong gia đình với số tiền là 500.000đồng để lấy tiền dưỡng già vì hai vợ chồng già không còn lao động được. Ông, bà nội chúng tôi có ba người con đều có gia đình. Chị cả là Nguyễn Thị Diệu, cha chúng tôi là Nguyễn Thanh và cô Nguyễn Thị D là con út. Khi mua xong đất của ông bà nội chúng tôi thì cha chúng tôi canh tác từ đó đến năm 2007 Nhà nước có thông báo thu thuế hoa màu chưa có cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tôi nộp đến năm 2012 mới giảm thuế, nhiều biên lai thuế lâu ngày quá hết hạn cha chúng tôi chỉ còn lưu một tờ nộp thuế cuối cùng. Đến năm 2010 cha tôi già thấy con đông, gia đình vô cùng khó khăn nên để lại cho vợ chồng tôi làm vì tôi Nguyễn Hùng H1 là con trai lớn. Từ khi tôi thay cha tôi sử dụng thì có đi vay ngân hàng phát triển nông thôn 100.000.000đồng để đóng giếng, âm đường ống nước lấy nước tưới tiêu hoa màu nuôi sống gia đình, cải thiện đời sống. Ngoài ra, vợ chồng tôi có khai hoang tại đồi núi Hòn Tai diện tích 1.100m<sup>2</sup> để sản xuất. Nay bà Nguyễn Thị D khởi kiện đòi lại đất tôi đang sản xuất là không có căn cứ, vì đất này là của cha mẹ để lại cho tôi và đất tôi khai hoang. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết để cho chúng tôi an tâm sản xuất.

*\*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn A trình bày:* Thông nhất như ý kiến của vợ là bà Nguyễn Thị D đang khởi kiện.

*\*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa nhưng không có ý kiến trình bày luận cứ bảo vệ cho người bị kiện.*

*\*Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa:*

- *Về tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng Hành chính từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm. Riêng người bị kiện vắng mặt tại các buổi công khai, tiếp cận công khai chứng cứ, đối thoại và tại phiên tòa là chưa chấp hành tốt các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- *Về nội dung:*

+ Nguồn gốc và quá trình sử dụng đất:

Nguyên trước năm 1975, ông Nguyễn M và bà Lê Thị T (cha, mẹ ruột bà D) khai hoang sử dụng một phần diện tích đất thuộc khu vực núi Hòn Tai (không rõ diện tích), sau năm 1975 không ai sử dụng trên diện tích đất này. Đến

năm 1979, diện tích đất này được đưa vào HTXNN và chia cho xã viên đội 17 sản xuất, sau đó có một số người không sản xuất nên bà D đến sản xuất được một thời gian rồi đi làm ăn xa không sản xuất từ đó cho đến nay.

Theo Bản đồ 299/TTg lập năm 1986 của xã Bình Vĩnh (*nay là xã An Vĩnh*) thì phần diện tích bà D yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là một phần của thửa đất mang số hiệu 755, có tổng diện tích 79.000m<sup>2</sup>, loại đất đồi núi chưa sử dụng (DCS), toàn bộ thửa đất này không được UBND xã cân đối giao theo Nghị định 64/CP; Bản đồ dự án Vlap đo đạc năm 2010, số thửa 710, tờ bản đồ số 9 xã An Vĩnh có diện tích 30.303 m<sup>2</sup> thuộc đất đồi núi chưa sử dụng (DCS). Sổ Mục kê xác lập năm 2003 tại thửa đất bà D đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có tên bà D thuộc diện được giao đất tại thửa đất này. Đối chiếu với bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2010 và bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện LS được UBND tỉnh phê duyệt thì phần diện tích đất mà bà D khiếu nại được quyền sử dụng đất là đất đồi núi chưa sử dụng do UBND xã An Vĩnh quản lý.

Đồng thời, bà Nguyễn Thị D không cung cấp được tài liệu, giấy tờ để chứng minh về quá trình, quản lý sử dụng đất và quyền sử dụng đối với diện tích bà yêu cầu cấp giấy chứng nhận.

Theo hồ sơ của UBND xã An Vĩnh cung cấp, tại thời điểm giao đất theo Nghị định số 64/CP, hộ bà Nguyễn Thị D có 05 khẩu diện tích được cấp là 505m<sup>2</sup>, thuộc 02 thửa đất thửa 54 diện tích 125m<sup>2</sup> và thửa 84 diện tích 380m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 1, xã Bình Vĩnh nay là xã An Vĩnh (thuộc tờ bản đồ giải thửa 299). Năm 1999, hộ bà D kê khai, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại đơn xin đăng ký quyền sử đất ngày 25/5/1999 có ông Phan Minh Định xác nhận và được UBND huyện LS cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 505m<sup>2</sup>.

Năm 2010, thực hiện dự án Vlap đo đạc và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hộ bà Nguyễn Thị D đã kê khai đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được UBND huyện LS thực hiện cấp đổi cho bà D thành 01 Giấy chứng nhận tại thửa đất số 177, tờ bản đồ số 7, diện tích 508,6m<sup>2</sup>, xã An Vĩnh và cấp mới 02 thửa đất: Thửa đất 134, tờ bản đồ số 7, diện tích 200,6m<sup>2</sup>, xã An Vĩnh, nguồn gốc sử dụng giao theo Nghị định 64/CP và thửa đất số 819, tờ bản đồ số 9, diện tích 139,9m<sup>2</sup>, xã An Vĩnh, tại khu vực núi Hòn Tai, có nguồn gốc sử dụng đất khai hoang (*biên bản làm việc ngày 06/5/2019*).

Như vậy, bà Nguyễn Thị D không phải là người đang sử dụng đất và không có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của Điều 100 Luật Đất đai năm 2013, căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 99 và Điều 101 Luật Đất đai năm 2013 thì hộ bà Nguyễn Thị D không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành quyết định:

Ngày 23/3/2018, bà Nguyễn Thị D có Đơn yêu cầu gửi đến UBND xã An Vĩnh về việc ông Đặng A1 tự ý lấy đất của gia đình bà sản xuất từ năm 2008 và yêu cầu chính quyền xã buộc ông Đặng A1 phải trả lại triền đất cho gia đình bà.



Ngày 12/9/2018, UBND xã An Vĩnh tiến hành hòa giải tranh chấp đất đai giữa bà D với các ông Đặng A1, Phù Hạnh, Nguyễn Hùng H1.

Không thống nhất với biên bản hòa giải, ngày 13/9/2018, bà D gửi Đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện LS, trong đơn bà D trình bày về nguồn gốc hai thửa đất tại núi Hòn Tai của gia đình bà bị ông Đặng A1 và Phù Hạnh chiếm đất sản xuất, việc giải quyết tranh chấp của UBND xã không thỏa đáng, bà đề nghị cứu xét cho gia đình bà khỏi bị thiệt hại và giải quyết cho gia đình bà sự việc nói trên.

Ngày 18/10/2018, UBND huyện LS ban hành Công văn số 2294/UBND với nội dung: “Việc bà Nguyễn Thị D yêu cầu trả lại toàn bộ diện tích đất mà ông Đặng A1, ông Nguyễn Hùng H1 và ông Phù Văn H đang canh tác và yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà là không có cơ sở...”.

Ngày 08/4/2019, bà Nguyễn Thị D tiếp tục gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện LS, nội dung “Nay tôi kính đơn này xin cấp trên cứu xét cho tôi được quyền sở hữu diện tích trong đơn là sự thật không sai...gia đình tôi từ năm 1977 khai hoang để làm hành tãi diện tích khoảng 1.200m<sup>2</sup> độ khoảng 2005 tôi mới cho thuê”.

Ngày 17/4/2019, Chủ tịch UBND huyện LS ban hành Thông báo số 98/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết đơn khiếu nại, cùng ngày Chủ tịch UBND huyện LS ban hành Quyết định số 443/QĐ-UBND về việc thụ lý và giao nhiệm vụ thẩm tra, xác minh nội dung khiếu nại (tranh chấp đất đai) của bà Nguyễn Thị D cho Phòng tài nguyên và môi trường huyện theo quy định về giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi được ban hành kèm theo Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 13/01/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 16/5/2019, Phòng tài nguyên và môi trường huyện LS có Báo cáo số 61/BC-TNMT về kết quả xác minh nội dung khiếu nại. Ngày 04/7/2019, tổ chức đối thoại. Ngày 15/8/2019 của Chủ tịch UBND huyện LS ban hành Quyết định số 984/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Nguyễn Thị D, địa chỉ thôn Tây, xã An Vĩnh, huyện LS “Không công nhận nội dung đề ngày 08/4/2018 của bà Nguyễn Thị D khiếu nại việc UBND huyện LS không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nông nghiệp tại khu vực núi Hòn Tai”.

Như vậy, Chủ tịch UBND huyện LS thụ lý tranh chấp đất đai là không đúng quy định của Luật khiếu nại. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết và ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị D, Chủ tịch UBND huyện LS đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật khiếu nại.

Từ những phân tích nêu trên, nhận thấy Quyết định số 984/QĐ-UBND, ngày 15/8/2019 của Chủ tịch UBND huyện LS, tỉnh Quảng Ngãi, về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu): “Không công nhận nội dung đề ngày 08/4/2018 của bà Nguyễn Thị D khiếu nại việc Ủy ban nhân dân huyện LS không cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nông nghiệp tại khu vực núi Hòn Tai” là đúng pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, Nghị Quyết 326/NQ-QH của Quốc hội: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D, về việc yêu cầu: Hủy Quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của Chủ tịch UBND huyện LS, tỉnh Quảng Ngãi. Về án phí đề nghị tuyên xử theo luật định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch UBND huyện LS; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: ông Đặng Văn A (Đặng A1), ông Nguyễn Hùng H1, bà Võ Thị H2, ông Đặng Văn A đều vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phù Văn H vắng mặt lần thứ ba không có lý do. Căn cứ Điều 157, Điều 158 Luật Tổ tụng Hành chính, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những người này.

#### **[1.2] Về đối tượng, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện:**

Ngày 14/7/2020, bà Nguyễn Thị D có đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi yêu cầu hủy Quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của Chủ tịch UBND huyện LS, tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Nguyễn Thị D. Quyết định hành chính nói trên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, còn thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Xét tính hợp pháp và có căn cứ của quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) huyện LS:

#### **[2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định:**

Ngày 08/4/2019, bà Nguyễn Thị D có hai đơn Khiếu nại gửi đến UBND huyện LS về việc ông Phù Văn H, ông Nguyễn Hùng H1, ông Đặng Văn A, bà Võ Thị H2 có hành vi chiếm đất, cản trở không cho Cán bộ chuyên môn đo đạc và UBND huyện LS không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình bà (bút lục 125-127).

Ngày 17/4/2019, Chủ tịch UBND huyện LS ban hành Quyết định số 443/QĐ-UBND về việc thụ lý và giao nhiệm vụ thẩm tra, xác minh nội dung đơn khiếu nại đề ngày 08/4/2019 của bà Nguyễn Thị D, cùng ngày Chủ tịch UBND huyện LS ban hành Thông báo số 98/TB-UBND thông báo cho bà

Nguyễn Thị D biết nội dung đơn khiếu nại đề ngày 08/4/2019 của bà đã được thụ lý, giải quyết (bút lục 128).

Thực hiện Quyết định số 443/QĐ-UBND ngày 17/4/2019, Phòng Tài nguyên và môi trường huyện LS đã tổ chức xác minh, đối thoại theo Luật khiếu nại năm 2011 đối với bà Nguyễn Thị D. Trên cơ sở đó, ngày 15/8/2019, Chủ tịch UBND huyện LS ban hành Quyết định số 984/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà Nguyễn Thị D.

Xét toàn bộ quá trình thụ lý, giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện LS nói trên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trước khi bà Nguyễn Thị D phát sinh hai đơn Khiếu nại cùng đề ngày 08/4/2019 đến UBND huyện LS đề yêu cầu giải quyết thì vào 12/9/2018, UBND xã An Vĩnh, huyện LS (nay đã sáp nhập vào UBND huyện LS theo mô hình chính quyền một cấp) tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai giữa bà Nguyễn Thị D với các ông Đặng A1, Phù Hạnh (Phù Văn H), Nguyễn Hùng H1 (bút lục 89), không thống nhất nội dung hòa giải của UBND xã An Vĩnh, bà Nguyễn Thị D phát sinh đơn đề ngày 13/9/2018 có nội dung *“Tôi đại diện gia đình làm đơn yêu cầu này nhờ cấp chính quyền huyện LS xem xét, thẩm định và giải quyết nguyện vọng theo nội dung là: Ông Đặng A1 phải trả lại triển đất mà ông Đặng A1 tự ý chiếm lấy của gia đình tôi”*. Ngày 18/10/2018, UBND huyện LS ban hành công văn số 2294/UBND trả lời đơn của bà Nguyễn Thị D với nội dung *“Từ kết quả giải quyết trên thì việc bà Nguyễn Thị D yêu cầu trả lại diện tích mà ông Đặng A1, ông Nguyễn Hùng H1 và ông Phù Văn H đang canh tác và yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà là không có cơ sở...”* (bút lục 228). Ngày 16/01/2019 và ngày 11/3/2019 bà Nguyễn Thị D tiếp tục có đơn khiếu nại gửi chính quyền huyện LS với nội dung cấp đất Hòn Tai cho gia đình bà. Nhận thấy UBND huyện LS chưa giải quyết nội dung các đơn đề ngày 16/01/2019 và 11/3/2019 của bà nên ngày 08/4/2019 bà tiếp tục có các đơn khiếu nại, đơn yêu cầu gửi Bí thư Huyện LS, UBND, Chủ tịch UBND huyện LS và Phòng Tài nguyên và môi trường huyện LS để yêu cầu giải quyết nội dung đơn của bà.

Ngày 17/4/2019, Chủ tịch UBND huyện LS thụ lý đơn Khiếu nại ngày 08/4/2019 của bà Nguyễn Thị D tại Quyết định số 443/QĐ-UBND và giao cho Phòng Tài nguyên và môi trường huyện LS xác minh, tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị D. Tuy nhiên, khi nhận và thụ lý đơn của bà Nguyễn Thị D tiêu đề đơn bà D ghi là *“Đơn khiếu nại”* nhưng nội dung đơn khiếu nại là yêu cầu ông Đặng A1, ông Phù Hạnh, ông Nguyễn Hùng H1, bà Võ Thị H2 trả lại đất cho gia đình bà và yêu cầu UBND huyện LS xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà. Chủ tịch UBND huyện LS căn cứ vào Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 13/01/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi quy định về trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh để ban hành Quyết định số 443/QĐ-UBND ngày 17/4/2019 thụ lý đơn ngày 08/4/2019 của bà Nguyễn Thị D và tại Điều 1 Quyết định nói trên, Chủ tịch UBND huyện

LS ghi “*Thụ lý đơn khiếu nại (tranh chấp đất đai) của bà Nguyễn Thị D*”. Mặt khác, quá trình làm việc với bà Nguyễn Thị D thì bà D trình bày đơn ngày 08/4/2019 bà khiếu nại Công văn số 2294/UBND ngày 18/10/2018 và yêu cầu UBND huyện LS cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà tại khu vực núi Hòn Tai, huyện LS; quá trình tham gia tố tụng trong vụ án, Chủ tịch UBND huyện LS cũng trả lời cho Tòa án tỉnh tại Công văn số 2568/UBND ngày 09/8/2022 có nội dung: Chủ tịch UBND huyện LS đã thụ lý đơn khiếu nại đề ngày 08/4/2019 của bà Nguyễn Thị D là tại Quyết định số 443/QĐ-UBND ngày 17/4/2019, còn Thông báo số 98/TB-UBND ngày 17/4/2019 là thông báo cho bà D biết đơn khiếu nại ngày 08/4/2019 của bà đã được Chủ tịch UBND huyện thụ lý. Trên cơ sở, Quyết định số 443 Chủ tịch UBND huyện LS đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 984/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 đối với bà Nguyễn Thị D. Như vậy, quá trình nhận và thụ lý, giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị D, Chủ tịch UBND huyện LS đã xác định không đầy đủ nội dung yêu cầu của bà Nguyễn Thị D, từ đó căn cứ áp dụng pháp luật để thụ lý đơn khiếu nại và ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại là không đúng trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại được quy định tại Điều 27 Luật khiếu nại năm 2011, Điều 5 Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính về thụ lý giải quyết khiếu nại.

Ngoài ra, đối với yêu cầu của bà D tại các đơn đề ngày 08/4/2019, Chủ tịch UBND huyện LS xác định có nội dung tranh chấp đất đai giữa bà Nguyễn Thị D và ông Đặng A1, ông Phù Văn H, ông Nguyễn Hùng H1, bà Võ Thị H2. Tuy nhiên, quá trình giải quyết theo Quyết định thụ lý số 443, Chủ tịch UBND huyện LS lại ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại theo trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại mà không xem xét nội dung tranh chấp đất đai giữa các đương sự nói trên là chưa đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, tại văn bản số 2798/UBND ngày 25/8/2022, UBND huyện LS cũng khẳng định đối với nội dung tranh chấp giữa các đương sự nói trên, UBND huyện đã tổ chức đối thoại tại Biên bản đối thoại ngày 04/7/2019 và quá trình giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị D, bà D cũng không có đơn xin rút yêu cầu tranh chấp đất đai (bút lục 389). Như vậy, Chủ tịch UBND huyện LS đã thụ lý đơn ngày 08/4/2019 của bà Nguyễn Thị D tại Quyết định số 443 nhưng không giải quyết theo trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai được quy định tại Điều 203 Luật đất đai năm 2013, Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 13/01/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành quy định về trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh mà ban hành Quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà Nguyễn Thị D là không đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy bà Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của Chủ tịch UBND huyện LS về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà Nguyễn Thị D là có căn cứ.

[3] Ý kiến đề nghị hủy Quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của Chủ tịch UBND huyện LS về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà Nguyễn Thị D của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện được chấp nhận.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện được chấp nhận nên người bị kiện Chủ tịch UBND huyện LS phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 204 Luật Tổ tụng Hành chính; Căn cứ các Điều 27, 28, 31 của Luật Khiếu nại năm 2011; Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính về thủ lý giải quyết khiếu nại; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D về yêu cầu hủy: Quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của Chủ tịch UBND huyện LS về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Nguyễn Thị D, địa chỉ: Khu dân cư số 8, thôn TAV, huyện LS, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Về án phí: Chủ tịch UBND huyện LS phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hành chính sơ thẩm.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi.
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi.
- Các đương sự.
- Lưu: Hồ sơ, Tòa hành chính.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Năm**



